

Số: 17/2013/TTLT-BTP-BCA-
BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 9
	Ngày: 30/12

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn về việc đặt tiền để bảo đảm theo quy định
tại Điều 93 của Bộ luật tố tụng hình sự**

VĂN PHÒNG TƯ PHÁP
GIỜ ... NGÀY ... 29/12
Số: 17/2013

Để áp dụng đúng và thống nhất quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về đặt tiền để bảo đảm, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn về việc đặt tiền để bảo đảm theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này hướng dẫn cụ thể về đối tượng, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng, hủy bỏ biện pháp đặt tiền để bảo đảm; trả lại tiền đã đặt để bảo đảm theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với bị can, bị cáo đang bị tạm giam, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, cơ sở giam giữ và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm

Cơ quan tiến hành tố tụng phải cân nhắc đầy đủ các điều kiện về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình trạng tài sản của bị can, bị cáo; trên cơ sở bảo đảm hiệu quả ngăn chặn để quyết định việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm thay thế cho biện pháp tạm giam.

Điều 3. Điều kiện áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm

1. Cơ quan tiến hành tố tụng quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Bị can, bị cáo phạm tội lần đầu; có nơi cư trú rõ ràng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;

b) Bị can, bị cáo có khả năng về tài chính để đặt bảo đảm theo quy định. Đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần mà không có hoặc không đủ tiền để đặt bảo đảm thì xem xét đến khả năng tài chính của người đại diện hợp pháp của họ;

c) Có căn cứ xác định, sau khi được tại ngoại, bị can, bị cáo sẽ có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng và không tiêu huỷ, che giấu chứng cứ hoặc có hành vi khác cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử;

d) Việc cho bị can, bị cáo tại ngoại không gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự;

đ) Không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Không áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị can, bị cáo phạm một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia; các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh;

b) Bị can, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng;

c) Bị can, bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của con người; phạm tội rất nghiêm trọng thuộc loại tội phạm về ma túy, tham nhũng, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội cướp tài sản, bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, cưỡng đoạt tài sản, cướp giật tài sản, công nhiên chiếm đoạt tài sản;

d) Bị tạm giam trong trường hợp bị bắt theo lệnh, quyết định truy nã;

đ) Bị can, bị cáo là người phạm tội có tính chất chuyên nghiệp;

e) Bị can, bị cáo là người nghiện ma túy;

g) Bị can, bị cáo là người tổ chức trong trường hợp phạm tội có tổ chức;

h) Hành vi phạm tội gây dư luận xấu trong xã hội.

Điều 4. Tiền được đặt để bảo đảm

1. Tiền được đặt để bảo đảm là tiền mặt Việt Nam đồng, bao gồm:

a) Tiền thuộc sở hữu hợp pháp của bị can, bị cáo;

b) Tiền thuộc sở hữu hợp pháp của người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần.

2. Không được đặt tiền thuộc một trong các trường hợp sau đây để bảo đảm:

a) Tiền đang có tranh chấp;

b) Tiền đang được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

c) Tiền có nguồn gốc bất hợp pháp.

Điều 5. Mức tiền được đặt để bảo đảm

1. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị can, bị cáo và khả năng tài chính của bị can, bị cáo hoặc của người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần (sau đây viết tắt là người đại diện hợp pháp), Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án quyết định mức tiền cụ thể mà bị can, bị cáo phải đặt để bảo đảm, nhưng không dưới:

a) Hai mươi triệu đồng đối với tội phạm ít nghiêm trọng;

b) Tám mươi triệu đồng đối với tội phạm nghiêm trọng;

c) Hai trăm triệu đồng đối với tội phạm rất nghiêm trọng;

2. Đối với các trường hợp sau đây thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định mức tiền phải đặt để bảo đảm thấp hơn nhưng không dưới một phần hai (1/2) mức tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Bị can, bị cáo thuộc hộ nghèo hoặc có điều kiện kinh tế khó khăn;

b) Bị can, bị cáo là thương binh, bệnh binh, là người được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân hoặc được tặng Huân chương, Huy chương kháng chiến, các danh hiệu Dũng sĩ trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, là con đẻ, con nuôi hợp pháp của Bà mẹ Việt Nam anh hùng, là con đẻ, con nuôi hợp pháp của gia đình được tặng bằng “Gia đình có công với nước”;

c) Bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần.

Điều 6. Quản lý tiền được đặt để bảo đảm

1. Cơ quan quản lý tiền được đặt để bảo đảm:

a) Tiền được đặt để bảo đảm trong giai đoạn điều tra, truy tố được quản lý tại Kho bạc Nhà nước, trong tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra tiến hành tố tụng đối với vụ án.

b) Tiền được đặt để bảo đảm trong giai đoạn xét xử được quản lý tại Kho bạc Nhà nước, trong tài khoản tạm giữ của Cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp nơi Tòa án xét xử sơ thẩm có trụ sở.

c) Tiền được đặt để bảo đảm theo quyết định của Cơ quan điều tra trong quân đội, Viện kiểm sát quân sự, Tòa án quân sự được quản lý tại cơ quan tài chính tương ứng trong Quân đội.

2. Kho bạc Nhà nước, cơ quan tài chính trong Quân đội có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận và quản lý tiền được đặt để bảo đảm theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

b) Trả lại tiền được đặt để bảo đảm cho bị can, bị cáo hoặc người được bị can, bị cáo ủy quyền hoặc người đại diện hợp pháp của họ theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch này;

c) Phối hợp chặt chẽ với cơ quan ra quyết định đặt tiền để bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao nhận tiền được đặt bảo đảm.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐẶT TIỀN ĐỂ BẢO ĐẢM

Điều 7. Thông báo về việc đặt tiền để bảo đảm

1. Khi xét thấy bị can, bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm thì cơ quan đang tiến hành tố tụng đối với vụ án gửi Thông báo về việc đặt tiền để bảo đảm cho họ thông qua cơ sở giam giữ.

Đối với bị can, bị cáo là người đã thành niên thì kèm theo Thông báo có mẫu đơn đề nghị được đặt tiền để bảo đảm thay thế cho biện pháp tạm giam và mẫu giấy uỷ quyền cho người đại diện thực hiện việc đặt tiền để bảo đảm.

Đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần thì kèm theo Thông báo có mẫu đơn đề nghị được đặt tiền để bảo đảm thay thế cho biện pháp tạm giam; đồng thời, cơ quan đang tiến hành tố tụng gửi Thông báo cho người đại diện hợp pháp của họ.

2. Trong thời hạn một ngày làm việc, kể từ khi nhận được Thông báo và các mẫu văn bản kèm theo, cơ sở giam giữ có trách nhiệm chuyển cho bị can, bị cáo. Nếu bị can, bị cáo có nguyện vọng thì tạo điều kiện để họ hoàn chỉnh các mẫu văn bản.

Điều 8. Thủ tục đề nghị được đặt tiền để bảo đảm

1. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được Thông báo về việc đặt tiền để bảo đảm và các mẫu văn bản kèm theo, nếu có nguyện vọng xin được đặt tiền để bảo đảm thay thế biện pháp tạm giam thì bị can, bị cáo phải hoàn chỉnh đơn và giấy uỷ quyền (đối với người đã thành niên) và gửi cho cơ quan đã thông báo thông qua cơ sở giam giữ.

Trong thời hạn một ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn đề nghị, giấy uỷ quyền của bị can, bị cáo, cơ sở giam giữ có trách nhiệm chuyển cho cơ quan đang tiến hành tố tụng đối với vụ án.

2. Trong thời hạn một ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn đề nghị và giấy uỷ quyền của bị can, bị cáo, đại diện cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ án xác nhận vào giấy uỷ quyền và gửi ngay cho người được uỷ quyền bằng thư bảo đảm hoặc chuyển phát nhanh. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được Giấy uỷ quyền, người được bị can, bị cáo uỷ quyền ghi ý kiến của mình, ký tên vào Giấy uỷ quyền và nộp lại cho cơ quan tiến hành tố tụng đối với vụ án. Giấy uỷ quyền là cơ sở để người được uỷ quyền thay mặt bị can, bị cáo thực hiện việc đặt tiền để bảo đảm.

Trường hợp bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần thì cơ quan đang tiến hành tố tụng đối với vụ án chuyển đơn đề nghị của bị can, bị cáo cho người đại diện hợp pháp của họ. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, người đại diện hợp pháp ghi ý kiến, ký tên vào đơn đề nghị của bị can, bị cáo và nộp lại cho cơ quan tiến hành tố tụng đối với vụ án.

3. Bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền đề nghị bằng văn bản với cơ quan đang tiến hành tố tụng đối với vụ án về việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm đối với bị can, bị cáo khi thấy có đủ các điều kiện hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư liên tịch này.

Văn bản đề nghị của bị can, bị cáo được gửi qua cơ sở giam giữ. Trong thời hạn một ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của bị can, bị cáo, cơ sở giam giữ có trách nhiệm chuyển đến cơ quan đang tiến hành tố tụng đối với vụ án.

Văn bản đề nghị của người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo được gửi trực tiếp đến cơ quan đang tiến hành tố tụng đối với vụ án.

Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ án có trách nhiệm xem xét, nếu thấy có đủ điều kiện để áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm thì gửi cho bị can, bị cáo các mẫu văn bản theo hướng dẫn tại Điều 7 của Thông tư liên tịch này để làm thủ tục đề nghị được đặt tiền để bảo đảm. Trường hợp xét thấy không đủ điều kiện áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm đối với bị can, bị cáo thì phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị biết trong đó nêu rõ lý do.

Điều 9. Thông báo về việc cho đặt tiền để bảo đảm

Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ khi nhận được các giấy tờ do người đại diện hợp pháp, người được bị can, bị cáo ủy quyền nộp lại theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư liên tịch này, cơ quan đang tiến hành tố tụng đối với vụ án có trách nhiệm xem xét, giải quyết. Trường hợp xét thấy các thủ tục giấy tờ đã được hoàn tất theo quy định thì ra Thông báo về việc cho đặt tiền để bảo đảm gửi Kho bạc nhà nước hoặc cơ quan tài chính trong Quân đội nơi sẽ quản lý tiền được đặt để bảo đảm và gửi cho người được bị can, bị cáo ủy quyền hoặc người đại diện hợp pháp của họ để thực hiện việc đặt tiền, đồng thời, gửi cho cơ quan điều tra là chủ tài khoản tạm giữ (nếu là Thông báo về việc cho đặt tiền để bảo đảm của Viện Kiểm sát) hoặc cơ quan thi hành án dân sự là chủ tài khoản tạm giữ (nếu là Thông báo về việc cho đặt tiền để bảo đảm của Tòa án).

Điều 10. Thực hiện việc đặt tiền để bảo đảm

1. Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được Thông báo về việc cho đặt tiền để bảo đảm, người được bị can, bị cáo uỷ quyền hoặc người đại diện hợp pháp của họ phải hoàn thành việc đặt tiền.

Trong trường hợp vì lý do khách quan như: thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do khách quan khác mà không thể hoàn thành việc đặt tiền để bảo đảm đúng hạn thì thời hạn này được tính lại kể từ khi hết thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do khách quan khác không còn nữa.

2. Việc đặt tiền để bảo đảm được thực hiện như sau:

a) Trường hợp nộp tiền tại Kho bạc nhà nước thì người được bị can, bị cáo uỷ quyền hoặc người đại diện hợp pháp mang theo Thông báo về việc cho đặt tiền để bảo đảm để Kho bạc Nhà nước đối chiếu và làm căn cứ hạch toán vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra hoặc của Cơ quan thi hành án dân sự.

Sau khi hoàn tất thủ tục nộp tiền, Kho bạc Nhà nước giao cho người nộp tiền hai liên Giấy nộp tiền vào tài khoản theo mẫu số C4-08/KB ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và kho bạc, đồng thời gửi cho cơ quan là chủ tài khoản tạm giữ một liên. Người nộp tiền có trách nhiệm nộp một liên Giấy nộp tiền vào tài khoản cho cơ quan đã ra Thông báo về việc cho đặt tiền để bảo đảm.

b) Trường hợp nộp tiền tại cơ quan tài chính trong Quân đội thì cơ quan nhận tiền có trách nhiệm lập biên bản giao nhận tiền nộp, có chữ ký xác nhận của bên nộp tiền, bên nhận tiền và đại diện của cơ quan đã ra Thông báo về việc cho đặt tiền để bảo đảm.

Biên bản được lập thành ba bản, một bản giao cho đại diện cơ quan ra Thông báo về việc cho đặt tiền để bảo đảm, một bản giao cho người nộp tiền, một bản lưu tại cơ quan tài chính đã lập biên bản.

Điều 11. Quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm

1. Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự:

Trong thời hạn hai ngày làm việc, kể từ khi nhận được liên giấy nộp tiền vào tài khoản tạm giữ hoặc biên bản về việc nộp tiền quy định tại Điều 10 của Thông tư liên tịch này, Cơ quan điều tra đang tiến hành tố tụng đối với vụ án ra quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm đối với bị can và gửi đến Viện kiểm sát cùng cấp đề nghị phê chuẩn.

Trong thời hạn hai ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm, công văn đề nghị phê chuẩn và hồ sơ, tài liệu có liên quan, Viện kiểm sát phải quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm; trường hợp không phê chuẩn phải nêu rõ lý do.

Khi ra quyết định phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm, Viện kiểm sát phải quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn (hủy bỏ biện pháp tạm giam, thay thế bằng biện pháp đặt tiền để bảo đảm) và gửi ngay quyết định đó đến cơ sở đang giam giữ bị can để thi hành.

Trường hợp Viện kiểm sát không phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm thì Cơ quan điều tra ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm và thông báo ngay cho bị can, bị cáo, người được ủy quyền và người đại diện hợp pháp của họ biết.

2. Trong giai đoạn truy tố, xét xử:

Trong thời hạn hai ngày làm việc, kể từ khi nhận được liên giấy nộp tiền vào tài khoản tạm giữ hoặc biên bản về việc nộp tiền quy định tại Điều 10 của Thông tư liên tịch này, Viện kiểm sát, Tòa án phải ra quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm.

Khi ra quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm, Viện kiểm sát, Tòa án phải quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn (hủy bỏ biện pháp tạm giam, thay thế bằng biện pháp đặt tiền để bảo đảm) và gửi ngay quyết định đó đến cơ sở đang giam giữ bị can, bị cáo để thi hành.

3. Quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm và quyết định của Viện kiểm sát phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm (trong giai đoạn điều tra) phải được giao cho bị can, bị cáo thông qua cơ sở giam giữ, người được bị can, bị cáo uỷ quyền, người đại diện hợp pháp của họ, đồng thời, gửi cho cơ quan là chủ tài khoản tạm giữ.

Chương III
HỦY BỎ VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐẶT TIỀN ĐỂ BẢO ĐẢM
VÀ XỬ LÝ ĐỐI VỚI TIỀN ĐÃ ĐẶT ĐỂ BẢO ĐẢM

Điều 12. Huy bỏ việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm

1. Việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm bị hủy bỏ trong các trường hợp sau đây:

- a) Việc điều tra, truy tố, xét xử vụ án bị đình chỉ;
- b) Việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm không còn cần thiết;
- c) Bị can, bị cáo bị bắt tạm giam về tội đã phạm trước khi áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm hoặc về tội phạm do vô ý thực hiện sau khi áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm;
- d) Bị can, bị cáo chết;
- đ) Bị can, bị cáo đã chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ đã cam đoan;
- e) Viện kiểm sát không phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm;
- g) Bị can, bị cáo không có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng mà không có lý do chính đáng;
- h) Bị can, bị cáo tiếp tục phạm tội do cố ý;
- i) Bị can, bị cáo có hành vi tiêu huỷ, che giấu chứng cứ hoặc có hành vi khác cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử;
- k) Có chứng cứ chứng minh rằng, bị can, bị cáo sẽ bỏ trốn, tiêu huỷ hoặc che giấu chứng cứ hoặc có hành vi khác cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử;
- l) Bị can, bị cáo bỏ trốn.

2. Việc hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm được thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này thì Viện kiểm sát hoặc Tòa án đang tiến hành tố tụng đối với vụ án ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm; nếu vụ án đang ở giai đoạn điều tra thì Cơ quan điều tra đang tiến hành tố tụng đối với vụ án đề nghị Viện kiểm sát đang thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra đối với vụ án ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm.

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm. Trường hợp Tòa án tuyên bị cáo không có tội hoặc áp dụng các hình phạt không giam giữ đối với bị cáo thì cùng với việc ra bản án, Hội đồng xét xử ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm.

c) Đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này, Cơ quan điều tra đã ra quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm phải ra quyết

định huỷ bỏ quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm.

d) Đối với trường hợp quy định tại các điểm g, h, i và k khoản 1 Điều này thì Viện kiểm sát hoặc Tòa án đang tiến hành tố tụng đối với vụ án ra quyết định huỷ bỏ quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm, đồng thời, ra quyết định tạm giam đối với bị can, bị cáo theo quy định của pháp luật; trường hợp vụ án đang ở giai đoạn điều tra thì Cơ quan điều tra đang tiến hành tố tụng đối với vụ án đó ra lệnh bắt bị can để tạm giam và đề nghị Viện kiểm sát đang thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra đối với vụ án huỷ bỏ quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm và phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam.

đ) Đối với trường hợp quy định tại điểm l khoản 1 Điều này thì Viện kiểm sát hoặc Tòa án đang tiến hành tố tụng đối với vụ án ra quyết định huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm, đồng thời, yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can, bị cáo; trường hợp vụ án đang ở giai đoạn điều tra thì Cơ quan điều tra đang tiến hành tố tụng đối với vụ án đề nghị Viện kiểm sát đang thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra đối với vụ án ra quyết định huỷ bỏ quyết định áp dụng biện pháp này, sau đó ra quyết định truy nã bị can.

3. Quyết định huỷ bỏ quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền bảo đảm phải ghi rõ việc xử lý đối với tiền đã đặt để bảo đảm và phải được giao cho bị can, bị cáo, người đại diện hợp pháp của họ, người được bị can, bị cáo ủy quyền (trong trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này), đồng thời, gửi cho cơ quan là chủ tài khoản tạm giữ và Kho bạc Nhà nước hoặc cơ quan tài chính trong Quân đội đang quản lý tiền đã được đặt để bảo đảm.

Điều 13. Xử lý đối với tiền đã đặt để bảo đảm trong trường hợp huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm

1. Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 12 của Thông tư liên tịch này, tiền đã đặt để bảo đảm được trả lại cho bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp là chủ sở hữu số tiền theo cam kết khi đề nghị được đặt tiền để bảo đảm. Trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 12 của Thông tư liên tịch này, tiền đã đặt để bảo đảm được trả lại cho người đại diện hợp pháp hoặc người được bị can, bị cáo ủy quyền.

Trường hợp bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp chết thì tiền đã đặt để bảo đảm được xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế.

2. Trường hợp quy định tại các điểm g, h, i, k và l khoản 1 Điều 12 của Thông tư liên tịch này, tiền đã đặt để bảo đảm bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Điều 14. Thủ tục trả lại tiền đã đặt để bảo đảm

1. Thủ tục trả lại tiền đã đặt để bảo đảm đang do Kho bạc Nhà nước quản lý tại tài khoản tạm giữ được thực hiện như sau:

a) Sau khi nhận được quyết định huỷ bỏ quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền bảo đảm trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 12 của Thông tư liên tịch này, người được trả lại tiền theo quyết định huỷ bỏ quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền bảo đảm phải gửi cho chủ tài khoản tạm giữ là Cơ quan điều tra (trong giai đoạn điều tra, truy tố) hoặc Cơ quan thi

hành án dân sự (trong giai đoạn xét xử) đơn đề nghị trả lại tiền đã đặt để bảo đảm kèm theo bản photô giấy chứng minh nhân dân và quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm.

b) Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn đề nghị theo hướng dẫn tại điểm a Khoản này, cơ quan là chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị Kho bạc Nhà nước trả lại tiền đã đặt để bảo đảm và giao hồ sơ cho người làm đơn đề nghị để nộp cho Kho bạc Nhà nước làm thủ tục nhận lại tiền.

Hồ sơ đề nghị gửi Kho bạc Nhà nước gồm có: văn bản của chủ tài khoản tạm giữ đề nghị Kho bạc Nhà nước trả lại tiền đã đặt để bảo đảm; Quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm và 03 liên Giấy rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi theo mẫu số C4-09/KB ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và kho bạc.

c) Căn cứ vào hồ sơ đề nghị, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục trả lại tiền đã đặt để bảo đảm theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Sau khi trả lại tiền đã đặt để bảo đảm, Kho bạc Nhà nước gửi một liên Giấy rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi cho chủ tài khoản tạm giữ và một liên cho cơ quan đã ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm để lưu vào hồ sơ vụ án, một liên lưu tại Kho bạc Nhà nước cùng với văn bản của chủ tài khoản tạm giữ đề nghị Kho bạc Nhà nước trả lại tiền đã đặt để bảo đảm và Quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm.

Trường hợp vụ án đang trong giai đoạn điều tra thì sau khi nhận được một liên Giấy rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi, Viện kiểm sát chuyển ngay cho Cơ quan điều tra đang tiến hành tố tụng đối với vụ án để lưu vào hồ sơ.

2. Thủ tục trả lại tiền đã đặt để bảo đảm đang do cơ quan tài chính có thẩm quyền trong Quân đội quản lý được thực hiện như sau:

a) Sau khi có quyết định hủy bỏ việc áp dụng biện pháp đặt tiền bảo đảm trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 12 của Thông tư liên tịch này, bị can, bị cáo hoặc người được uỷ quyền của họ, người đại diện hợp pháp phải có văn bản đề nghị cơ quan đang tiến hành tố tụng đối với vụ án lập hồ sơ đề nghị trả lại tiền đã đặt để bảo đảm.

b) Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị theo quy định tại điểm a Khoản này, cơ quan tiếp nhận đề nghị phải lập hồ sơ đề nghị cơ quan tài chính trong Quân đội trả lại tiền đã đặt để bảo đảm.

Hồ sơ gồm có: văn bản đề nghị lập hồ sơ của bị can, bị cáo hoặc người được uỷ quyền của họ, người đại diện hợp pháp; Quyết định hủy bỏ việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm và Biên bản nộp tiền được đặt để bảo đảm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 của Thông tư liên tịch này.

Hồ sơ đề nghị được giao cho người được trả lại tiền theo quyết định hủy bỏ việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm để làm thủ tục nhận lại tiền.

c) Căn cứ vào hồ sơ đề nghị, cơ quan tài chính trong Quân đội làm thủ tục trả lại tiền đã được đặt để bảo đảm theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Khi trả lại tiền được đặt để bảo đảm, cơ quan tài chính trong Quân đội phải lập biên bản có chữ ký của bên trả và bên nhận. Biên bản được lập thành ba bản, bên trả giữ một bản, bên nhận giữ một bản và một bản được gửi cho cơ quan đã ra Quyết định hủy bỏ việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm để lưu vào hồ sơ vụ án.

Trường hợp vụ án đang trong giai đoạn điều tra thì sau khi nhận được biên bản trả lại tiền cho bị can, Viện kiểm sát chuyển ngay cho Cơ quan điều tra đang tiến hành tố tụng đối với vụ án để lưu vào hồ sơ.

Điều 15. Tịch thu sung quỹ nhà nước tiền đã đặt để bảo đảm

Thủ tục tịch thu sung quỹ nhà nước tiền đã đặt để bảo đảm được thực hiện như việc tịch thu sung quỹ nhà nước đối với vật chứng vụ án theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Mẫu các văn bản, giấy tờ liên quan đến việc áp dụng, hủy bỏ áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm

Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này các mẫu văn bản, giấy tờ sau:

1. Thông báo về việc đặt tiền để bảo đảm (mẫu số 1).
2. Đơn đề nghị được đặt tiền để bảo đảm (mẫu số 2a, 2b).
3. Giấy uỷ quyền (mẫu số 3).
4. Thông báo về việc cho đặt tiền để bảo đảm (mẫu số 4).
5. Quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm (mẫu số 5a, 5b).
6. Quyết định phê chuẩn Quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm (mẫu số 6).
7. Quyết định không phê chuẩn Quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm (mẫu số 7).
8. Biên bản đặt tiền để bảo đảm (mẫu số 8).
9. Quyết định hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm (mẫu số 9).
10. Biên bản trả lại tiền đã được đặt để bảo đảm (mẫu số 10).

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

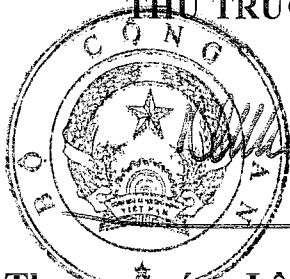
Thông tư liên tịch này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 01 năm 2014.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Các cơ quan, đơn vị liên quan của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này.

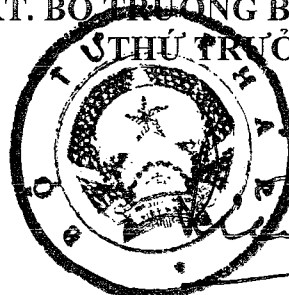
Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch này nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị liên quan phản ánh về Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao để có hướng dẫn kịp thời./.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN
THỦ TRƯỞNG**



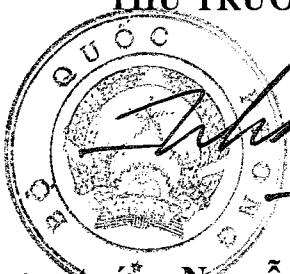
Thượng tướng Lê Quý Vương

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
THỦ TRƯỞNG**



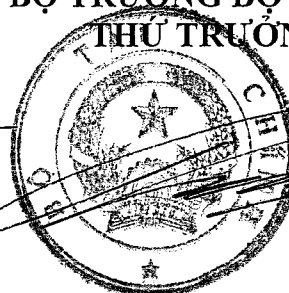
Hoàng Thế Liên

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG
THỦ TRƯỞNG**



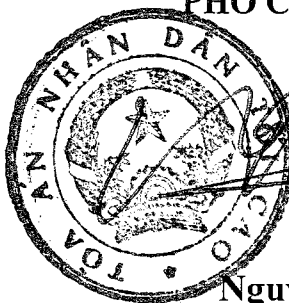
Thượng tướng Nguyễn Thành Cung

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TRƯỞNG**



Trương Chí Trung

**KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**



Nguyễn Sơn

**KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHỤ VIỆN TRƯỞNG**



Trần Công Phàn

Nơi nhận:

- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội (để b/c);
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Công báo;
- Lưu: BTP, BCA, BQP, BTC, VKSNDTC, TANDTC.

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số: 17/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 14/11/2013)

Tên cơ quan⁽¹⁾
Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
VỀ VIỆC ĐẶT TIỀN ĐỂ BẢO ĐẢM

Căn cứ các Điều 3, 5 và 7 của Thông tư liên tịch số: 17/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 14 tháng 11 năm 2013 hướng dẫn về việc đặt tiền để bảo đảm theo Điều 93 của Bộ luật tố tụng hình sự,⁽¹⁾ thông báo:

1. Bị can/bị cáo sau đây thuộc diện được xem xét áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm thay thế biện pháp tạm giam:

Họ và tên:..... Nam, nữ:.....

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Quê quán:.....

Nơi đăng ký HKTT:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

Quốc tịch:..... Dân tộc:..... Tôn giáo:.....

Số CMND:.....

Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Bị khởi tố/truy tố về tội:..... quy định tại

.....⁽²⁾ theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm của

Hiện đang bị tạm giam tại

2. Một số thông tin liên quan đến việc đặt tiền để bảo đảm

- Bị can/bị cáo thuộc diện phải đặt số tiền để bảo đảm làđồng.

- Nếu bị can/bị cáo có nguyện vọng xin được đặt tiền để bảo đảm thay thế cho tạm giam thì điền các thông tin vào đơn đề nghị được áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm và các mẫu giấy tờ kèm theo và gửi cho cơ quan đã thông báo thông qua cơ sở giam giữ trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo này.

- Người được bị can/bị cáo uỷ quyền hoặc người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo chưa thành niên thực hiện việc đặt tiền để bảo đảm theo quy định tại Thông tư liên tịch số 17/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-

¹ Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát hoặc Tòa án đang tiến hành tố tụng đối với vụ án.

² Khoản, điều của Bộ luật hình sự được áp dụng.

TANDTC ngày 14 tháng 11 năm 2013 hướng dẫn về việc đặt tiền để bảo đảm theo Điều 93 của Bộ luật tố tụng hình sự.

3. Bị can/bị cáo được áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Được giao quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm;
- Được trả tự do sau khi có quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm (trong gia đoạn truy tố, xét xử) hoặc quyết định phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm (trong gia đoạn điều tra);
- Được trả lại tiền đã đặt bảo đảm theo quy định tại Thông tư liên tịch số 17/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 14 tháng 11 năm 2013 hướng dẫn về việc đặt tiền để bảo đảm theo Điều 93 của Bộ luật tố tụng hình sự;
- Phải có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng, trừ trường hợp có lý do chính đáng;
- Không được bỏ trốn hoặc tiêu hủy, che giấu chứng cứ hoặc có hành vi khác cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử.

Trong trường hợp bị can/bị cáo vi phạm một trong các nghĩa vụ nêu trên hoặc cố ý phạm tội mới thì sẽ bị hủy bỏ việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm và toàn bộ số tiền đã được đặt bảo đảm sẽ bị tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

Tên cơ quan
Chức vụ người ký
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

-
-
-

Mẫu số 02a (dùng cho bị can/bị cáo là người đã thành niên)
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số: 17/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 14/11/2013)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC ĐẶT TIỀN ĐỂ BẢO ĐẢM

Kính gửi⁽¹⁾:

Tên tôi là:..... Nam, nữ:.....

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Quê quán:.....

Nơi đăng ký HKTT:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

Quốc tịch:..... Dân tộc:..... Tôn giáo:.....

Số CMND:.....

Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Bị khởi tố/truy tố về tội quy định
tại⁽²⁾ theo Quyết định số: ngày ... tháng ... năm
của

Hiện đang bị tạm giam tại:.....

Tôi đã nhận được Thông báo ngày tháng năm của
.....⁽¹⁾ về việc đặt tiền để bảo đảm. Sau khi nghiên cứu các quyền và
nghĩa vụ được nêu trong Thông báo, tôi xin đề nghị được đặt số tiền để bảo đảm
là: VNĐ (*Viết bằng chữ:*).

Tôi xin cam đoan số tiền trên thuộc sở hữu hợp pháp của tôi và không
thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số
17/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 14 tháng 11
năm 2013 hướng dẫn về việc đặt tiền để bảo đảm theo Điều 93 của Bộ luật tố
 tụng hình sự. Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bị can, bị cáo được
nêu trong Thông báo số: ngày ... tháng ... năm của⁽¹⁾ về việc
đặt tiền để bảo đảm. Nếu vi phạm một trong những nghĩa vụ trên, tôi xin hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Tên Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát hoặc Tòa án đang tiến hành tố tụng đối với vụ án.

² Khoản, điều của Bộ luật hình sự được áp dụng.

Mẫu số 02b (dùng cho bị can/bị cáo là người chưa thành niên,
người có nhược điểm về tâm thần)
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số: 17/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-
TANDTC ngày 14/11/2013)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC ĐẶT TIỀN ĐỂ BẢO ĐẢM

Kính gửi ⁽¹⁾:

Tôi tên là:..... Nam, nữ:.....

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Quê quán:.....

Nơi đăng ký HKTT:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

Quốc tịch:..... Dân tộc:..... Tôn giáo:.....

Số CMND:.....

Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Bị khởi tố/truy tố về tội quy định tại
.....⁽²⁾ theo Quyết định số: ngày ... tháng ... năm
của

Hiện đang bị tạm giam tại:.....

Tôi đã nhận được Thông báo ngày tháng năm của
.....⁽¹⁾ về việc đặt tiền để bảo đảm. Sau khi nghiên cứu các quyền và nghĩa
vụ được nêu trong Thông báo, tôi xin đề nghị được đặt số tiền để bảo đảm là:
.....VNĐ (*Viết bằng chữ*:), trong đó:

- Số tiền của bản thân tôi là: VNĐ

- Số tiền của người đại diện hợp pháp của tôi là: VNĐ

Tôi xin cam đoan số tiền VNĐ của tôi là tài sản hợp pháp và không thuộc
các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 17/2013/TTLT-BTP-
BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 14 tháng 11 năm 2013 hướng dẫn về việc
đặt tiền để bảo đảm theo Điều 93 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tôi xin cam kết thực hiện
đầy đủ nghĩa vụ của bị can, bị cáo được nêu trong Thông báo số: ngày ... tháng ...
năm của⁽¹⁾ về việc đặt tiền để bảo đảm. Nếu vi phạm một trong những
nghĩa vụ trên, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./

....., ngày tháng năm

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Tên Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát hoặc Tòa án đang tiến hành tố tụng đối với vụ án.

² Khoản, điều của Bộ luật hình sự được áp dụng.

Ý KIẾN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

Tên tôi là:..... Nam, nữ:.....
Sinh ngày..... tháng..... năm.....
Quê quán:.....
Nơi đăng ký HKTT:.....
Chỗ ở hiện nay:.....
Quốc tịch:..... Dân tộc:..... Tôn giáo:.....
Số CMND:.....
Ngày cấp..... Nơi cấp.....
là người đại diện hợp pháp của bị can/bị cáo: sinh năm.....
Nơi đăng ký HKTT:.....
Chỗ ở hiện nay:.....
Tôi xin tự nguyện đặt số tiền làVNĐ (Viết bằng chữ:
.....) để bảo đảm cho bị can/bị cáo
.....

Tôi xin cam đoan số tiền trên thuộc sở hữu hợp pháp của tôi và không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 17/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 14 tháng 11 năm 2013 hướng dẫn về việc đặt tiền để bảo đảm theo Điều 93 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tôi chấp nhận quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng về xử lý số tiền đã được đặt để bảo đảm nếu bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ cam kết./.

....., ngày . tháng năm
Người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03 (dùng cho bị can/bị cáo là người đã thành niên)
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số: 17/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-
TANDTC ngày 14/11/2013)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi ⁽¹⁾:

Tôi tên là:..... Sinh năm:.....

Nơi đăng ký HKTT:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

Bị khởi tố/truy tố về tội quy định tại
..... ⁽²⁾ theo Quyết định số: ngày ... tháng ... năm
..... của về việc

Hiện đang bị tạm giam tại:.....

Tôi ủy quyền cho ông (bà):

Họ và tên Nam, nữ

Sinh ngày tháng năm

Số CMND Ngày cấp Nơi cấp.....

Nơi đăng ký HKTT:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đặt tiền để đảm bảo./.

Xác nhận
của cơ quan đang tiến hành tố tụng đối với vụ án

Người ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Tên Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát hoặc Tòa án đang tiến hành tố tụng đối với vụ án.

² Khoản, điều của Bộ luật hình sự được áp dụng

Ý KIẾN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Họ và tên:..... Nam, nữ:.....
Sinh ngày..... tháng..... năm.....
Quê quán:.....
Nơi đăng ký HKTT:.....
Chỗ ở hiện nay:.....
Quốc tịch:..... Dân tộc:..... Tôn giáo:.....
Số CMND:.....
Ngày cấp..... Nơi cấp.....
Quan hệ với bị can/bị cáo:

Tôi đồng ý thực hiện sự ủy quyền của bị can/bị cáo

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Nơi đăng ký HKTT:.....
Chỗ ở hiện nay:.....

và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm của mình/.

....., ngày tháng năm

Người được uỷ quyền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số: 17/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 14/11/2013)

Tên cơ quan⁽¹⁾
Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm ...

THÔNG BÁO
VỀ VIỆC CHO ĐẶT TIỀN ĐỂ BẢO ĐẢM

Kính gửi⁽²⁾:

Căn cứ Điều 5 và Điều 9 của Thông tư liên tịch số: 17/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 14 tháng 11 năm 2013 hướng dẫn về việc đặt tiền để bảo đảm theo Điều 93 của Bộ luật tố tụng hình sự,⁽¹⁾ thông báo:

1. Ông/bà: Nam, nữ:.....
Sinh ngày..... tháng..... năm.....
Quê quán:.....
Nơi đăng ký HKTT:.....
Chỗ ở hiện nay:.....
Quốc tịch:..... Dân tộc:..... Tôn giáo:
Số CMND:.....
Ngày cấp..... Nơi cấp.....
được nộp số tiền: VNĐ (*Viết bằng chữ:*)
vào tài khoản tạm giữ số của cơ quan⁽³⁾
..... mở tại⁽²⁾

2. Lý do nộp tiền: Đặt tiền để bảo đảm cho bị can/bị cáo
Họ và tên: Sinh năm:
Nơi đăng ký HKTT:
Chỗ ở hiện nay:
Bị khởi tố/truy tố về tội:..... quy định
tại⁽⁴⁾ theo Quyết định số: ngày ... tháng ...
năm của

Tên cơ quan
Chức vụ người ký
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan là chủ tài khoản tạm giữ;
-

¹ Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát hoặc Tòa án đang tiến hành tố tụng đối với vụ án.

² Tên Kho bạc Nhà nước hoặc cơ quan tài chính trong quân đội

³ Cơ quan là chủ tài khoản tạm giữ.

⁴ Khoản, điều của Bộ luật hình sự được áp dụng.

Mẫu số 05a (Dùng cho cơ quan điều tra)

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số: 17/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 14/11/2013)

Tên cơ quan ⁽¹⁾
Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐẶT TIỀN ĐỂ BẢO ĐẢM

Tôi:

Chức vụ:

- Căn cứ Điều (34, 36, 38, 39) và Điều 93 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ Quyết định số ngày tháng năm của
..... về việc khởi tố bị can đối với bị can:
..... về tội theo⁽²⁾.

Xét thấy

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm đối với bị can:

Họ và tên: Nam/nữ:

Sinh ngày tháng năm

Quê quán:

Nơi đăng ký HKTT:

Chỗ ở hiện nay:

Quốc tịch: Dân tộc: Tôn giáo:

Số CMND:.....

Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Hiện đang bị tạm giam tại:.....

2. Quyết định này được gửi đến Viện Kiểm sát
để làm thủ tục phê chuẩn theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

-
-
-

Tên cơ quan
Chức vụ người ký
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Tên Cơ quan điều tra đang tiến hành tố tụng đối với vụ án.

² Khoản, điều của Bộ luật hình sự được áp dụng.

Tên cơ quan ⁽¹⁾
Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐẶT TIỀN ĐỀ BẢO ĐẢM

.....⁽²⁾

- Căn cứ Điều (34, 36, 38, 39) và Điều 93 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ quyết định số ngày tháng năm của về việc khởi tố bị can/truy tố đối với bị can/bị cáo: về tội theo⁽³⁾.

Xét thấy

.....
.....

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng biện pháp đặt tiền đề bảo đảm đối với bị can/bị cáo:

Họ và tên: Nam/nữ:

Sinh ngày tháng năm

Quê quán:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay:

Quốc tịch: Dân tộc: Tôn giáo:

Hiện đang bị tạm giam tại:.....

2. Người được ủy quyền/người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo chưa thành niên đã làm thủ tục nộp số tiền là.....(bằng chữ:.....) vào tài khoản tạm giữ số của cơ quan⁽⁴⁾..... mở tại⁽⁵⁾.....

¹ Tên Viện Kiểm sát hoặc Tòa án đang tiến hành tố tụng đối với vụ án.

² Chức vụ và tên cơ quan ra quyết định

³ Khoản, điều của Bộ luật hình sự được áp dụng.

⁴ Tên cơ quan là chủ tài khoản tạm giữ.

⁵ Tên Kho bạc Nhà nước hoặc cơ quan tài chính trong quân đội nơi có tài khoản tạm giữ.

3. Hủy bỏ Quyết định số ngàytháng năm của về việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị can/bị cáo

4. Yêu cầu⁽⁶⁾ làm thủ tục trả tự do cho bị can theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

5. Biện pháp đặt tiền để bảo đảm bị hủy bỏ và số tiền đã đặt bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước trong các trường hợp sau đây:

a) Bị can/bị cáo không có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng mà không có lý do chính đáng;

b) Bị can/bị cáo tiếp tục phạm tội do cố ý;

c) Bị can/bị cáo có hành vi tiêu huỷ, che giấu chứng cứ hoặc có hành vi khác cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử;

d) Có chứng cứ chứng minh rằng, bị can/bị cáo sẽ bỏ trốn, tiêu huỷ hoặc che giấu chứng cứ hoặc có hành vi khác cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử;

đ) Bị can/bị cáo đã bỏ trốn.

Tên cơ quan
Chức vụ người ký
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

-
-
-

⁶ Tên cơ sở giam giữ đang tạm giam bị can, bị cáo.

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số: 17/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 14/11/2013)

Tên cơ quan ⁽¹⁾
Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
PHÊ CHUẨN QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP
ĐẶT TIỀN ĐỂ BẢO ĐẢM

..... ⁽²⁾

- Căn cứ các Điều 36, 93 của Bộ luật tố tụng hình sự.
- Xét Quyết định số ngày tháng năm của về việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm đối với bị can bị khởi tố về tội: quy định tại ⁽³⁾ theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm của về việc

QUYẾT ĐỊNH

1. Phê chuẩn Quyết định số ngày tháng năm của về việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm đối với bị can
2. Huỷ bỏ Quyết định số ngày tháng năm của về việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị can
3. Yêu cầu ⁽⁴⁾ làm thủ tục trả tự do cho bị can theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự./.

Tên cơ quan
Chức vụ người ký
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

-
-
-

¹ Tên Viện Kiểm sát ra quyết định.
² Chức vụ và tên Viện Kiểm sát ra quyết định.
³ Khoản, điều của Bộ luật hình sự được áp dụng.
⁴ Tên cơ sở giam giữ đang tạm giam bị can, bị cáo.

Mẫu số 07

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số: 17/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 14/11/2013)

Tên cơ quan⁽¹⁾

Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH
KHÔNG PHÊ CHUẨN QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP
ĐẶT TIỀN ĐỂ BẢO ĐẢM**

(2)

.....

- Căn cứ các Điều 36, 93 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Xét Quyết định số ngày tháng năm của về việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm đối với bị can/bị cáo..... bị khởi tố về tội:..... quy định tại⁽³⁾ theo Quyết định số ngày tháng năm của về việc

Nhận thấy

.....
.....

QUYẾT ĐỊNH

1. Không phê chuẩn Quyết định số ngày tháng năm của về việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm đối với bị can

2. Yêu cầu⁽⁴⁾ ra quyết định huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm để trả lại tiền đã đặt để bảo đảm cho bị can./.

Tên cơ quan

Chức vụ người ký

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

-
-
-

¹ Tên Viện Kiểm sát ra quyết định.

² Chức vụ và tên Viện Kiểm sát ra quyết định.

³ Khoản, điều của Bộ luật hình sự được áp dụng.

⁴ Tên cơ quan điều tra đã ra quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm.

Tên cơ quan⁽¹⁾
Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐẶT TIỀN ĐỂ BẢO ĐẢM

Hồi giờ ngày..... tháng năm tại⁽²⁾

Chúng tôi gồm:

1. Bên nhận tiền

.....⁽¹⁾

Đại diện là ông (bà), chức vụ:

2. Bên đặt tiền để bảo đảm

Họ và tên:⁽³⁾ Nam, nữ:.....

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Quê quán:.....

Nơi đăng ký HKTT:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

Quốc tịch:.....Dân tộc:.....Tôn giáo:.....

Số CMND:.....

Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Với sự chứng kiến của đại diện cơ quan ra Thông báo về việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm,

Đã tiến hành việc đặt tiền để bảo đảm thay thế biện pháp tạm giam theo Thông báo số ... ngày tháng năm của.....⁽⁴⁾ về việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm đối với bị can/bị cáo:

Họ và tên:.....Nam/nữ:

Sinh ngày..... tháng..... năm

Quê quán:

¹ Tên cơ quan tài chính trong quân đội thực hiện việc nhận tiền.

² Địa chỉ nơi tiến hành việc đặt tiền.

³ Người được ủy quyền hoặc người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo chưa thành niên.

⁴ Tên cơ quan tiến hành tố tụng trong quân đội đã ra Thông báo.

Nơi đăng ký HKTT:
Chỗ ở hiện nay:
Quốc tịch: Dân tộc: Tôn giáo:
Số CMND:
Ngày cấp: Nơi cấp:
Bị khởi tố/truy tố về tội: quy định tại
.....⁽⁵⁾ theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm
của⁽⁶⁾ về việc

Số tiền được đặt để bảo đảm là:

Bên nhận đã soát xét và nhận đủ số tiền đã được liệt kê trên đây.

Biên bản gồm trang, được lập thành ba bản, có nội dung và giá trị như nhau. Biên bản được giao cho bên đặt tiền, bên nhận tiền và cơ quan ra Thông báo về việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm, mỗi bên giữ một bản.

Bên đặt tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện cơ quan nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Đại diện cơ quan chứng kiến việc đặt tiền

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

⁵ Khoản, điều của Bộ luật hình sự được áp dụng.

⁶ Tên cơ quan ra quyết định khởi tố/truy tố bị can.

Mẫu số 09

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số: 17/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 14/11/2013)

Tên cơ quan⁽¹⁾
Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP
ĐẶT TIỀN ĐỂ BẢO ĐẢM

.....⁽²⁾

- Căn cứ các Điều (34, 36, 38, 39) và Điều 94 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xét thấy

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số ngày tháng năm của về việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm đối với bị can/bị cáo:

Họ và tên:Nam/nữ:

Sinh ngày tháng năm tại

Quê quán:

Nơi đăng ký HKTT:

Chỗ ở hiện nay:

Quốc tịch: Dân tộc: Tôn giáo:

Số CMND:.....

Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Bị khởi tố/truy tố về tội theo quy định tại⁽³⁾

Hiện đang bị tạm giam tại:.....

Điều 2. Đối với khoản tiền đã đặt để bảo đảm được xử lý như sau:

Nơi nhận:

-
-
-

Tên cơ quan
Chức vụ người ký
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Tên Cơ quan ra quyết định.
² Chức vụ và tên cơ quan ra quyết định.
³ Khoản, điều của Bộ luật hình sự được áp dụng.

Tên cơ quan⁽¹⁾
Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TRẢ LẠI TIỀN ĐÃ ĐƯỢC ĐẶT ĐỂ BẢO ĐẢM

Hồi giờ ngày tháng năm tại⁽²⁾

Chúng tôi gồm:

1. Bên trả lại tiền

.....⁽¹⁾

Đại diện là ông (bà), Chức vụ:

2. Bên nhận lại tiền

Bị can, bị cáo, người được ủy quyền/người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo

Họ và tên⁽³⁾:, Nam, nữ:

Sinh ngày tháng năm

Quê quán:

Nơi đăng ký HKTT:

Chỗ ở hiện nay:

Quốc tịch: Dân tộc: Tôn giáo:

Số CMND:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Với sự chứng kiến của đại diện cơ quan ra quyết định huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm,

Đã tiến hành trả lại toàn bộ số tiền đã được đặt để bảo đảm theo Quyết định số ngày tháng năm của về việc huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm và Biên bản đặt tiền để bảo đảm số ngày do⁽⁴⁾ lập.

(1) Tên cơ quan tài chính trong quân đội thực hiện việc trả lại tiền.

(2) Địa chỉ nơi tiến hành việc trả lại tiền.

(3) Bị can, bị cáo, người được ủy quyền hoặc người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo chưa thành niên.

(4) Tên cơ quan tài chính trong quân đội đã lập Biên bản đặt tiền để bảo đảm.

Số tiền được trả lại là:

Bên nhận đã soát xét và nhận đủ số tiền đã được liệt kê trên đây.

Biên bản gồm trang, được lập thành ba bản, có nội dung và giá trị như nhau.

Biên bản được giao cho bên trả lại tiền, bên nhận lại tiền và cơ quan ra quyết định hủy bỏ việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm, mỗi bên giữ một bản.

Bên nhận lại tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện cơ quan trả lại tiền

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Đại diện cơ quan chứng kiến việc trả lại tiền

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)